TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2026/DS-ST
Ngày: 25-6-2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trung Lợi**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lâm Ninh Quốc Hậu**;

2. Bà **Nguyễn Thị Thay**.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Bùi Thị Tây Hạ** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Thái Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 406/2025/TLST-DS, ngày 09 tháng 10 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1964; số căn cước công dân: 072064001ABCD; nơi cư trú: Tổ A, ấp Đ, xã T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thái S, sinh năm 1989; số căn cước công dân: 07208900BQDC; nơi cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 20/8/2025), vắng mặt;

- Bị đơn: Bà Hồ Kim T, sinh năm 1975; số căn cước công dân: 07917503CABD; cư trú tại: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.1 Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; số căn cước công dân: 07216800QADC; nơi cư trú: Tổ A, ấp Đ, xã T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L: Ông Nguyễn Thái S, sinh năm 1989; số căn cước công dân: 07208900ABCD; nơi cư trú: Ấp T, xã T,

tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 20/11/2025), vắng mặt;

1.2 Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1975; số căn cước công dân: 07207500ABCD; nơi cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

1. 3 Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1989; số căn cước công dân: 02418900ABCD; nơi cư trú: Tổ A, ấp Đ, xã T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/8/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L và người đại diện theo ủy quyền của ông D, bà L là ông Nguyễn Thái S thống nhất trình bày:

Do quen biết nên vợ chồng ông D, bà L có cho bà T vay tiền nhiều lần với số tiền trên 10.000.000.000 đồng, hình thức vay tiền mặt và chuyển khoản, quá trình vay tiền bà T có trả tiền gốc và lãi cho ông D, bà L nhiều lần mỗi lần thanh toán tiền lãi, tiền gốc hai bên xé bỏ giấy nợ, còn số tiền không thanh toán thì làm lại giấy nợ tương ứng với thời gian không thanh toán do đó bà T còn nợ ông D, bà L 17 lần với số tiền 8.730.000.000 đồng cụ thể:

- Lần thứ nhất: Ngày 11/6/2023 (âm lịch) nhằm ngày 28/7/2023 (dương lịch) vay số tiền 650.000.000 đồng, khi vay có làm giấy nợ, mục đích vay sử dụng đăng hụi cho các hụi viên do bà T làm chủ hụi, khi vay thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày vay sẽ trả gốc, còn lãi thì trả hàng tháng đã trả lãi từ ngày vay đến ngày 11/11/2024 (âm lịch) nhằm ngày 11/12/2024 (dương lịch) thì ngưng không trả lãi;

- Lần thứ hai: Ngày 14/7/2024 (âm lịch) nhằm ngày 17/8/2024 (dương lịch) vay số tiền 500.000.000 đồng, khi vay có làm giấy nợ, mục đích vay tiền sử dụng đăng hụi cho các hụi viên do bà T làm chủ, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày vay sẽ trả gốc, còn lãi thì trả hàng tháng đã trả lãi từ ngày vay đến ngày 14/10/2024 (dương lịch) nhằm ngày 14/11/2024 (dương lịch) thì ngưng không trả lãi;

- Lần thứ ba: Ngày 14/7/2024 (âm lịch) nhằm ngày 17/8/2024 (dương lịch) vay thêm số tiền 1.000.000.000 đồng khi vay có làm giấy nợ, mục đích vay sử dụng đăng hụi cho các hụi viên do bà T làm chủ hụi, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày vay sẽ trả gốc, còn lãi thì trả hàng tháng đã trả lãi từ ngày vay đến ngày 14/11/2024 (dương lịch) nhằm ngày 14/12/2024 (dương lịch) thì ngưng không trả lãi;

- Lần thứ 04: Ngày 13/10/2024 (âm lịch) nhằm ngày 13/11/2024 (dương lịch) vay số tiền 1.000.000.000 đồng khi vay có làm giấy nợ, mục đích vay tiền sử dụng đăng hụi cho các hụi viên do bà T làm chủ hụi, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày vay sẽ trả gốc, còn lãi trả hàng tháng, đã trả lãi được

01 tháng ngày 13/11/2024 (âm lịch) nhằm ngày 13/12/2024 (dương lịch) ngưng không trả lãi;

- Lần thứ 05: Ngày 18/10/2024 (âm lịch) nhằm ngày 18/11/2024 (dương lịch) vay số tiền 1.000.000.000 đồng khi vay có làm giấy nợ, mục đích vay tiền sử dụng đăng hụi cho các hụi viên do bà T làm chủ hụi, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày vay sẽ trả gốc, còn lãi trả hàng tháng, nhưng không trả gốc và lãi;

- Lần thứ 06: Ngày 02/11/2024 (âm lịch) nhằm ngày 02/12/2024 (dương lịch) vay thêm số tiền 800.000.000 đồng khi vay có làm giấy nợ, mục đích vay tiền sử dụng chi phí cho con bà T (họ tên không biết rõ) xuất khẩu lao động qua Đài Loan, thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng, thời hạn vay là 20 ngày, sau khi vay tiền trả được 02 tháng tiền lãi ngày 02/12/2024 và ngày 02/01/2025 (âm lịch), đến ngày 08/4/2025 (âm lịch) nhằm ngày 05/5/2025 (dương lịch) trả được 200.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 600.000.000 đồng. Lý do có sự chỉnh sửa ngày, năm vay là do viết nhầm ngày âm lịch và ngày dương lịch nên sửa lại đúng là ngày vay ngày 02/11/2024 (âm lịch) nhằm ngày 02/12/2024 (dương lịch);

- Lần thứ 07: Ngày 09/01/2025 (âm lịch) nhằm ngày 06/02/2025 (dương lịch) bà T vay số tiền 400.000.000 đồng, khi vay có làm giấy nợ, mục đích vay tiền sử dụng đăng hụi do bà T làm chủ hụi, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày vay trả đủ gốc, lãi, nhưng vẫn không trả tiền gốc, tiền lãi;

- Lần thứ 08: Ngày 29/01/2025 (âm lịch) nhằm ngày 26/02/2025 (dương lịch) bà T vay số tiền 500.000.000 đồng, khi vay có làm giấy nợ, mục đích vay tiền sử dụng đăng hụi do bà T làm chủ hụi, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày vay trả đủ gốc, lãi, không trả tiền gốc, tiền lãi.

- Lần thứ 09: Ngày 01/02/2025 (âm lịch) nhằm ngày 28/02/2025 (dương lịch) bà T vay số tiền 200.000.000 đồng, khi vay có làm giấy nợ, mục đích vay tiền sử dụng đăng hụi do bà T làm chủ hụi, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày vay trả đủ gốc, nhưng vẫn không trả tiền gốc, tiền lãi;

- Lần thứ 10: Ngày 09/02/2025 (âm lịch) nhằm ngày 08/3/2025 (dương lịch) bà T vay số tiền 500.000.000 đồng, khi vay có làm giấy nợ, mục đích vay tiền sử dụng đăng hụi do bà T làm chủ hụi, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày vay trả đủ gốc, nhưng không trả tiền gốc, tiền lãi;

- Lần thứ 11: Ngày 24/02/2025 (âm lịch) nhằm ngày 23/3/2025 (dương lịch) bà T vay số tiền 1.000.000.000 đồng, khi vay có làm giấy nợ, mục đích vay tiền sử dụng đăng hụi do bà T làm chủ hụi, thỏa thuận lãi suất 1%, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày vay trả đủ gốc, nhưng không trả tiền gốc, tiền lãi;

- Lần thứ 12: Ngày 02/3/2025 (âm lịch) nhằm ngày 30/3/2025 (dương lịch) bà T vay số tiền 200.000.000 đồng, khi vay có làm giấy nợ, mục đích vay tiền sử dụng đăng hụi do bà T làm chủ hụi, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng kể từ ngày vay trả đủ gốc, nhưng không trả tiền gốc, tiền lãi;

- Lần thứ 13: Ngày 18/3/2025 (âm lịch) nhằm ngày 15/4/2025 (dương lịch) bà T vay số tiền 200.000.000 đồng, khi vay có làm giấy nợ, mục đích vay tiền sử dụng đăng hụi do bà T làm chủ hụi, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày vay trả đủ gốc, nhưng không trả tiền gốc, tiền lãi;

- Lần thứ 14: Ngày 22/3/2025 (âm lịch) nhằm ngày 19/4/2025 (dương lịch) bà T vay số tiền 300.000.000 đồng, khi vay có làm giấy nợ, mục đích vay tiền sử dụng trả Ngân hàng, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày vay trả đủ gốc, lãi nhưng không trả tiền gốc, tiền lãi. Lý do có chỉnh sửa chữ "Vay" là trước đó ghi là chữ "Mượn" nên sửa lại là chữ "Vay" nhưng xác định số tiền bà T vay là 300.000.000 đồng;

- Lần thứ 15: Ngày 03/4/2025 (âm lịch) nhằm ngày 30/4/2025 (dương lịch) bà T vay số tiền 200.000.000 đồng, khi vay có làm giấy nợ, mục đích vay tiền sử dụng đăng hụi, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày vay trả đủ gốc, lãi nhưng không trả tiền gốc, tiền lãi.

- Lần thứ 16: Ngày 08/4/2025 (âm lịch) nhằm ngày 05/5/2025 (dương lịch) bà T vay số tiền 100.000.000 đồng, khi vay có làm giấy nợ, mục đích vay tiền để bà T có trả tiền lãi cho bà T2 (bà T2 là người cho bà T vay tiền hiện nay bà T2 đã khởi kiện ông D tại Tòa án), thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày vay trả đủ gốc, lãi nhưng không trả tiền gốc, tiền lãi;

- Lần thứ 17: Ngày 08/5/2025 (âm lịch) nhằm ngày 03/6/2025 (dương lịch) bà T vay số tiền 380.000.000 đồng, khi vay có làm giấy nợ. Trong số tiền 380.000.000 đồng nhận 02 lần tiền lần thứ nhất ngày 07/5/2025 (âm lịch) nhận tiền vay 250.000.000 đồng, ngày 08/5/2025 (âm lịch) nhận 130.000.000 đồng, do lần nhận tiền ngày 07/5/2025 không làm giấy nên khi nhận tiền ngày 08/5/2025 mới ghi chung một giấy nhận nợ là 380.000.000 đồng, như vậy số tiền 380.000.000 đồng này bà T đã nhận từ ông D. Mục đích vay tiền sử dụng đăng hụi do bà T làm chủ hụi, thỏa thuận 02 ngày trả tiền gốc và lãi nhưng bà T vẫn không trả gốc, lãi. Khi vay số tiền này thì bà T hứa vay tiền của người khác 20 ngày sau có tiền trả cho ông D nhưng vẫn không có tiền trả cho ông D.

Như vậy việc vay tiền giữa hai bên có lúc chuyển khoản, có lúc vay tiền mặt nhiều lần, việc chuyển khoản được thực hiện: Từ số tài khoản con dâu ông D, bà L là bà Phạm Thị N1 số tài khoản 9986667425664 Ngân hàng MB chuyển khoản thời gian từ ngày 01/8/2024 đến ngày 31/10/2024 vào số tài khoản bà T số tài khoản 0947796195 Ngân hàng N2 với tổng số tiền 4.119.000.000 đồng; từ ngày 08/11/2024 đến ngày 30/6/2025 bà L chuyển khoản từ số tài khoản 104881730673 Ngân hàng TMCP C1 vào số tài khoản bà T số tài khoản 0947796195 Ngân hàng N2 với tổng số tiền 4.711.000.000 đồng. Như vậy, số tiền vay bằng hình thức chuyển khoản là 8.830.000.000 đồng. Bà T có chuyển khoản trả cho ông D, bà L số tiền 3.443.110.000 đồng trong đó tiền gốc 2.538.140.000 đồng, tiền lãi 390.000.000 đồng, tiền hụi 514.970.000 đồng. Do hai bên vay tiền nhiều lần bằng hình thức chuyển khoản và vay tiền mặt việc bà T chuyển tiền trả cho vợ chồng

ông, bà không xác định được trả số tiền nào trong tổng số tiền chuyển khoản trả cho nên sau khi bà T chuyển khoản trả nợ bằng hình thức chuyển khoản hoặc trả tiền mặt thì hai bên xé bỏ các giấy nợ, đối với những số tiền nợ vừa chuyển khoản vừa vay tiền mặt không trả thì hai bên mới ghi lại giấy nợ đối với những số tiền còn lại không thanh toán vào năm 2025. Đối với số tiền 8.730.000.000 đồng là tiền gốc bà T vay ông D, bà L không thanh toán do đó không có việc tính lãi cộng dồn vào tiền gốc, đây là số nợ riêng giữa vợ chồng bà L, ông D với bà T không liên quan đến chồng bà T là ông C. Nay ông D, bà L yêu cầu bà T hoàn trả số tiền 8.730.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày nộp đơn khởi kiện ngày 21/8/2025 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại bản biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 20/11/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Hồ Kim T trình bày:

Bà không có quan hệ bà con hay mâu thuẫn gì với ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị L, chỉ là hàng xóm sống gần nhau nên có vay tiền và góp hụi chung. Bà thừa nhận bà có nợ bà L không nợ ông D, còn số tiền nợ bao nhiêu thì bà không biết rõ, khi nợ bà có nhận tiền chuyển khoản từ bà L và khi trả lãi, trả gốc bà có chuyển khoản cho bà L. Bà thừa nhận trong 17 giấy nợ mà ông D gửi qua đường bưu điện bản phô tô cho bà thì chữ ký người vay "Hồ Kim T" là chữ ký, chữ viết của bà. Còn nội dung trong các giấy nợ bà không viết mà bà L là người viết, chính vì vậy bà không nợ bà L số tiền 8.730.000.000 đồng như đơn khởi kiện của ông D. Còn việc ký 17 giấy nợ này là bà L đưa cho bà ký một lượt, còn các lần vay tiền thì bà có ghi giấy nợ đưa cho bà L giữ. Nội dung giấy nợ này do mẹ con bà L đưa đến nhà cho bà ký nhận tại nhà của bà, khi ký nhận bà không biết nội dung ghi là gì, sau khi Tòa án cung cấp bà mới biết nội dung ghi là ký nhận nợ. Trước đó bà có nhận được chứng cứ mà ông D gửi bản phô tô qua đường bưu điện cho bà, sau khi phát hiện ra sự việc này bà có nói chuyện với bà L nhưng bà L nói đây là giấy chốt nợ với bà, bà không trả nên vợ chồng bà L khởi kiện.

Khi bà ký nhận và ghi họ tên "Bên người vay" trong 17 giấy nợ thì bà L nói là "*Trước đó viết giấy nợ mày có ký nhận nợ ghi là Hồ Kim T1, nên nay mày ký lại cho tao đủ họ tên có dấu là Hồ Kim T*" vì tin tưởng nên bà L đưa là bà ký nhận.Vì bà vay tiền bà L nhiều lần nên bà có nhận tiền mặt và có nhận tiền chuyển khoản cụ thể: Nếu bà nhận tiền mặt thì bà trả tiền mặt, còn bà nhận tiền chuyển khoản thì bà chuyển khoản cho bà L. Khi nhận tiền mặt của bà L thì bà có ghi vào giấy nhận nợ vào trong cuốn sổ của bà L rồi bà L giữ bản gốc trong sổ nợ này. Còn bà L chuyển khoản thì bà chuyển khoản lại cho bà L. Bà và bà L chuyển khoản vay tiền qua lại từ năm 2024 cho đến nay. Số tài khoản bà L thì bà không biết nhưng bà L chuyển khoản vào số tài khoản của bà số tài khoản 0947796195 – Ngân hàng N2, cụ thể bà L chuyển khoản cho bà vay các lần sao kê mà bà đã giao nộp cho Tòa án, tuy nhiên trong lịch sử giao dịch này không thể hiện số tài khoản bà L chuyển khoản đến bà và không thể hiện số tài khoản bà chuyển khoản bà L. Bà L cho bà vay tiền bằng hình thức chuyển khoản thì bà L cũng ghi trong cuốn số nợ bà L giữ rồi bà ký tên vào giấy nợ, sau mỗi lần bà chuyển trả tiền thì bà L xóa số lần bà đã

ký nhận nợ trước đó. Chính vì sổ nợ này bà L đang giữ nên bà không có chứng cứ chứng minh chuyển khoản ký nhận nợ và trả tiền chuyển khoản xóa trong sổ nợ. Bà vay tiền bà L nhiều lần cộng lại nên bà vay tổng cộng của bà L số tiền là 4.611.000.000 đồng, trong số tiền này bà đã trả cho bà L số tiền 2.247.170.000 đồng gốc, còn tiền lãi bà không trả được số tiền nào, các lần trả tiền này là bằng hình thức chuyển khoản. Chuyển khoản cho bà vay tiền thì có ký vào sổ nợ bà L, hiện bà L giữ cuốn số này, khi vay thì bà L tính tiền lãi 1.000.000 đồng mỗi ngày tiền lãi 2.000 đồng, còn khi trả lãi không đủ thì bà L sẽ cộng dồn tiền lãi vào tiền gốc cho bà ký nhận nợ. Việc bà trình bày tiền lãi không trả cộng dồn tiền lãi vào tiền gốc thì bà cũng không có chứng cứ gì chứng minh. Bà vay tiền của bà L, ông D mục đích để bà đăng hụi cho người khác và bà lấy số tiền này về cho người khác vay lại tuy nhiên những người này đã không trả số tiền vay này nên bà không có khả năng trả tiền nợ cho bà L, ông D.

Đối với số tiền 8.730.000.000 đồng nợ ông D, bà L khởi kiện, nay bà đồng ý trả cho bà L, ông D số tiền 5.386.890.000 đồng sau khi cấn trừ số tiền đã trả cho ông D, bà L và không đồng ý trả lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày nộp đơn khởi kiện.

Tại bản biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 12/12/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông là chồng bà Hồ Kim T hiện nay vợ chồng ông vẫn chung sống với nhau bình thường. Thường ngày việc chi tiêu sinh hoạt do bà T quản lý, đối với số tiền ông D, bà L khởi kiện bà T đây là số nợ riêng của vợ ông đối với ông D, bà L không liên quan đến ông do đó ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 24/3/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N1 trình bày:

Bà là con dâu của ông D, bà L nên cha, mẹ chồng bà có nhờ bà chuyển khoản cho vay và nhận tiền trả do bà T vay của ông D, bà L. Nên từ ngày 01/8/2024 đến ngày 31/10/2024 bà đã chuyển khoản số tài khoản 9986667425664 Ngân hàng MB chuyển khoản vào số tài khoản bà T số tài khoản 0947796195 Ngân hàng N2 với tổng số tiền 4.119.000.000 đồng và nhận tiền từ việc chuyển khoản từ bà T chuyển cho bà số tiền 1.390.550.000 đồng. Do việc vay tiền giữa bà T với cha, mẹ chồng bà nên chuyển khoản qua lại không phải là tiền của bà nên bà không tranh chấp số tiền chuyển dùm và nhận dùm, do đó bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Thái S, bà Hồ Kim T, ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị N1 vắng mặt đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử

vắng mặt.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh*:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa;

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với bị đơn bà Hồ Kim T. Buộc bà Hồ Kim T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị L số tiền 8.730.000.000 đồng và lãi suất 0,83% kể từ ngày 21/8/2025 cho đến nay.

- Về án phí: Bà Hồ Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Thái S, bà Hồ Kim T, ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị N1 vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Thái S, bà Hồ Kim T, ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị N1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị L yêu cầu bà Hồ Kim T có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 8.730.000.000 đồng:

Ông D, bà L cho rằng bà T vay tiền của ông, bà nhiều lần bằng hình thức chuyển khoản và vay tiền mặt, mỗi lần vay tiền có làm giấy nợ, sau khi trả nợ bằng hình thức chuyển khoản hoặc trả tiền mặt thì các giấy nợ được xé bỏ, còn số tiền nợ không trả thì các giấy nợ không xé bỏ, do đó trong tổng 17 giấy nợ ông D, bà L khởi kiện tại Tòa án là số tiền bà T không trả cho vợ chồng ông D, bà L. Bà T thừa nhận trong 17 giấy nợ ông D, bà L khởi kiện tại Tòa án số tiền 8.730.000.000 đồng

là chữ ký, ghi họ tên người vay "Hồ Kim T" là chữ ký, chữ viết của bà, bà ký kết các giấy nợ này là lúc bà không tỉnh táo bà L yêu cầu bà ký nên bà ký không đọc lại nội dung. Trong quá trình giải quyết vụ án ông D, bà L và bà T đều thừa nhận hai bên có giao dịch vay tiền nhiều lần bằng hình thức chuyển khoản và vay tiền mặt, số tiền giao dịch hai bên trên 10.000.000.000 đồng, bà L, ông D chuyển khoản cho bà T số tiền 8.830.000.000 đồng, bà T có chuyển khoản trả cho ông D, bà L số tiền 3.443.110.000 đồng. Ông D, bà L cho rằng trong 17 giấy nợ (từ bút lục 95 đến bút lục 111) đây là số tiền bà T không thanh toán nên giữ lại giấy nợ. Tuy nhiên các Bảng sao kê chi tiết giao dịch do bà L, ông D cung cấp (từ bút lục 136 đến bút lục 152) thể hiện giữa bà L, bà N1 (con dâu bà L, ông D) có giao dịch chuyển khoản từ ngày 01/8/2024 (dương lịch) đến ngày 30/6/2025 (dương lịch), do đó ông D, bà L không xác định được trong 17 giấy nợ đâu là tiền chuyển khoản, đâu là vay tiền mặt hơn nữa các giấy này thời gian không trùng khớp với các lần chuyển giao dịch vay tiền giữa hai bên.

Mặt khác bà L, ông D đều thừa nhận bà T có chuyển khoản trả số tiền gốc 2.538.140.000 đồng, tiền lãi 390.000.000 đồng, tiền hụi 514.970.000 đồng là trả số tiền nợ khác không phải số tiền nợ 8.730.000.000 đồng trong 17 giấy nợ này, nhưng bà L, ông D không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh việc bà T trả tiền gốc, tiền lãi, tiền hụi đối với số tiền nào ngoài số tiền còn nợ 8.730.000.000 đồng. Hơn nữa các lần bà T chuyển khoản trả cho bà L, ông D đều sau ngày 11/6/2023 (âm lịch) nhằm ngày 28/7/2023 (dương lịch) là ngày giấy nợ thứ nhất (bút lục số 111) trong tổng 17 giấy nợ. Điều này thể hiện sau khi vay tiền các bên có tính toán tiền nợ, bà T có chuyển tiền trả cho bà L, ông D nhưng bà L, ông D không khấu trừ số tiền bà T đã chuyển trả mà căn cứ vào 17 giấy nợ khởi kiện bà T số tiền không khấu trừ tiền trả là không có căn cứ, hơn nữa bà T không thừa nhận số tiền 3.443.110.000 đồng là tiền trừ tiền lãi, tiền hụi, chỉ thừa nhận đây là số tiền trả tiền gốc trong tổng số tiền 8.830.000.000 đồng nhận chuyển khoản. Mặc dù ông D, bà L khởi kiện số tiền 8.730.000.000 đồng nhưng qua tính số tiền giao dịch chuyển khoản thể hiện bà T nhận tiền vay của ông D, bà L số tiền 8.830.000.000 đồng, bà T yêu cầu khấu trừ số tiền 3.443.110.000 đồng và nay đồng ý hoàn trả cho ông D, bà L số tiền 5.386.890.000 đồng còn nợ trong tổng số tiền ông D, bà L khởi kiện tại Tòa án. Xét việc lời thừa nhận của bà T còn nợ ông D số tiền 5.386.890.000 đồng (bút lục số 334, số 335) trong tổng số tiền ông D khởi kiện 8.730.000.000 đồng phù hợp với các tài liệu, chứng cứ các đương sự cung cấp cho Tòa án. Nên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông D cần buộc bà T có trách nhiệm hoàn trả số tiền 5.386.890.000 đồng, không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông D yêu cầu bà T hoàn trả số tiền 3.343.110.000 đồng (8.730.000.000 đồng - 5.386.890.000 đồng = 3.343.110.000 đồng).

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng với số tiền vay 8.730.000.000 đồng từ ngày 21/8/2025 đến ngày đến ngày tòa án xét xử vụ án ngày 25/6/2026:

Quá trình giải quyết vụ án ông D, bà L, bà T trình bày thỏa thuận lãi suất 6%/tháng. Điều này thể hiện giữa ông D, bà L, bà T có thỏa thuận lãi suất

6%/tháng và nay ông D, bà L yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng đối với số tiền vay 8.730.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận việc tính tiền lãi. Tuy nhiên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đối với số tiền gốc 5.386.890.000 đồng nên lãi suất được tính từ ngày 21/8/2025 đến ngày 25/6/2026, như sau: 5.386.890.000 đồng x 0,83%/tháng x 10 tháng 4 ngày = 453.073.000 đồng (làm tròn).

Đối với số tiền gốc 3.343.110.000 đồng Hội đồng xét xử không chấp nhận số lãi suất được tính từ ngày 21/8/2025 đến ngày 25/6/2026, như sau: 3.343.110.000 đồng x 0,83%/tháng x 10 tháng 4 ngày = 281.178.000 đồng (làm tròn)

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông D thể hiện bà T vay tiền ông D, quá trình giải quyết vụ án ông D, bà L đều thừa nhận số tiền cho bà T vay là tài sản chung hai vợ chồng, bà L yêu cầu bà T trả số tiền này, hơn nữa bà L giao dịch chuyển và nhận tiền từ bà T. Nên cần buộc bà T có nghĩa vụ hoàn trả số tiền gốc 5.386.890.000 đồng và tiền lãi 453.073.000 đồng cho ông D, bà L, tổng cộng gốc và lãi 5.839.963.000 đồng được chấp nhận. Ghi nhận ông D, bà L không yêu cầu ông C cùng bà T có nghĩa vụ trả số tiền gốc và lãi được chấp nhận.

[3] Quá trình giải quyết vụ án ông D, bà L trình bày trong số tiền 8.730.000.000 đồng là tiền vay dùm của bà Nguyễn Thị Ngọc L1, của bà Đinh Thị Cẩm T2, tiền lĩnh hụi của bà Nguyễn Thị Kiều O. Tuy nhiên qua làm việc bà L1, bà O cho rằng không cho bà T vay tiền và góp hụi nên không tranh chấp trong vụ án, bà T2 đã được giải quyết quyền lợi của mình bằng Bản án dân sự phúc thẩm số: 555/2026/DS-PT, ngày 02/4/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết và không đưa bà Nguyễn Thị Ngọc L1, bà Đinh Thị Cẩm T2, bà Nguyễn Thị Kiều O tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Đối với việc tranh chấp hợp đồng góp hụi giữa ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị L với bà Hồ Kim T do các đương sự không tranh chấp nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[4] Từ những phân tích nhận định nêu trên xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị L đối với bà Hồ Kim T là có căn cứ chấp nhận một phần buộc bà T có trách nhiệm hoàn trả cho ông D, bà L số tiền gốc 5.386.890.000 đồng và tiền lãi 453.073.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi 5.839.963.000 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị L yêu cầu bà Hồ Kim T trả số tiền gốc 3.343.110.000 đồng, tiền lãi 281.178.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi số tiền 3.624.288.000 đồng.

[5] Về án phí:

[5.1] Bà Hồ Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 113.839.500 đồng (làm tròn) do yêu cầu khởi kiện của ông D, bà L được chấp nhận một phần đối với số tiền 5.839.963.000 đồng.

[5.2] Ông Nguyễn Văn D được miễn ½ án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, do thuộc trường hợp người cao tuổi theo

quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận đối với tiền 3.624.288.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị L phải chịu ½ án phí dân sự sơ thẩm số tiền 52.242.500 đồng (làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm do một phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận đối với số tiền 3.624.288.000 đồng.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với những nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; các Điều 227, 228, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị L về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bà Hồ Kim T:

Buộc bà Hồ Kim T có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc 5.386.890.000 (năm tỷ ba trăm tám mươi sáu triệu tám trăm chín mươi nghìn) đồng và tiền lãi 453.073.000 (bốn trăm năm mươi ba triệu không trăm bảy mươi ba nghìn) đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi số tiền 5.839.963.000 (năm tỷ tám trăm ba mươi chín triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/6/2026), nếu bà Hồ Kim T không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng bà Hồ Kim T còn phải trả cho ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị L số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị L về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bà Hồ Kim T yêu cầu hoàn trả số tiền gốc 3.343.110.000 (ba tỷ ba trăm bốn mươi ba triệu một trăm mười nghìn) đồng và tiền lãi 281.178.000 (hai trăm tám mươi mốt triệu một trăm bảy mươi tám nghìn) đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi số tiền 3.624.288.000 (ba tỷ sáu trăm hai mươi bốn triệu hai trăm tám mươi tám nghìn) đồng.

2. Về án phí:

- Bà Hồ Kim T phải chịu 113.839.500 (một trăm mười ba triệu tám trăm ba mươi chín nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Ông Nguyễn Văn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do ông Nguyễn Văn D do thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ

khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu 52.242.500 (năm mươi hai triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị L, bà Hồ Kim T, ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị N1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- PKTNV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11- Tây Ninh;
- Phong THADS khu vực 11 - Tây Ninh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (L).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Lợi